

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ II/2026	T01-06/2026
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.926.105.922	12.498.294.391
	Lãi cho vay	2.875.786.400	7.326.645.400
	Lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.050.319.522	5.171.648.991
2	Tổng Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	589.122.364	1.672.724.986
	Chi phí lãi tiền gửi tiết kiệm	52.788.200	154.283.500
	Chi phí lãi vốn vay	-	-
	Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	536.334.164	1.518.441.486
I	Thu nhập lãi thuần (1)-(2)	5.336.983.558	10.825.569.405
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	-	-
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	21.211.744	31.536.450
II.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (3)-(4)	(21.211.744)	(31.536.450)
III.	Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	-	-
IV.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-
V.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác	7.213.452	17.854.776
6	Chi phí từ hoạt động khác	386.005.094	386.005.094
VI.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (5)-(6)	(378.791.642)	(368.150.318)
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-
VIII.	Chi phí hoạt động	3.452.639.184	6.841.005.192
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (I)+(II)+(III)+(IV)+(V)+(VI)+(VII)-(VIII)	1.484.340.988	3.584.877.445
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(129.231.094)	(344.157.337)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế (IX)-(X)	1.613.572.082	3.929.034.782
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
XIII.	Lợi nhuận sau thuế (XI)-(XII)	1.613.572.082	3.929.034.782
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)



Thái Ngọc Bảo Trâm

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

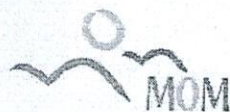
Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ 2/2026			LŨY KẾ ĐẾN T06/2026		
		TỔNG CỘNG	QUỸ XÃ HỘI	CTDA TCVM	TỔNG CỘNG	QUỸ XÃ HỘI	CTDA TCVM
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.926.105.922	724.201.874	5.201.904.048	12.498.294.391	2.675.665.046	9.822.629.345
	Lãi cho vay	2.875.786.400		2.875.786.400	7.326.645.400		7.326.645.400
	Lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.050.319.522	724.201.874	2.326.117.648	5.171.648.991	2.675.665.046	2.495.983.945
2	Tổng Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	589.122.364	0	589.122.364	1.672.724.986	0	1.672.724.986
	Chi phí lãi tiền gửi tiết kiệm	52.788.200	-	52.788.200	154.283.500	-	154.283.500
	Chi phí lãi vốn vay	-		-	-		-
	Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	536.334.164		536.334.164	1.518.441.486		1.518.441.486
I	Thu nhập lãi thuần (1)-(2)	5.336.983.558	724.201.874	4.612.781.684	10.825.569.405	2.675.665.046	8.149.904.359
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	-		-	-		-
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	21.211.744		21.211.744	31.536.450		31.536.450
II.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (3)-(4)	(21.211.744)	-	(21.211.744)	(31.536.450)	-	(31.536.450)
III.	Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	-		-	-		-
IV.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-		-	-		-
V.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-		-	-		-
5	Thu nhập từ hoạt động khác	7.213.452		7.213.452	17.854.776		17.854.776
6	Chi phí từ hoạt động khác	386.005.094		386.005.094	386.005.094		386.005.094
VI.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (5)-(6)	(378.791.642)	-	(378.791.642)	(368.150.318)	-	(368.150.318)
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-		-	-		-
VIII.	Chi phí hoạt động	3.452.639.184		3.452.639.184	6.841.005.192		6.841.005.192
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (I)+(II)+(III)+(IV)+(V)+(VI)+(VII)-(VIII)	1.484.340.988	724.201.874	760.139.114	3.584.877.445	2.675.665.046	909.212.399
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(129.231.094)		(129.231.094)	(344.157.337)		(344.157.337)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế (IX)-(X)	1.613.572.082	724.201.874	889.370.208	3.929.034.782	2.675.665.046	1.253.369.736
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-		-	-		-



QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ 2/2026			LŨY KẾ ĐẾN T06/2026		
		TỔNG CỘNG	QUỸ XÃ HỘI	CTDA TCVM	TỔNG CỘNG	QUỸ XÃ HỘI	CTDA TCVM
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-		-	-		-
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-		-	-		-
XIII.	Lợi nhuận sau thuế (XI)-(XII)	1.613.572.082	724.201.874	889.370.208	3.929.034.782	2.675.665.046	1.253.369.736
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu						

Ghi chú: Quỹ đã thực hiện tách Quỹ xã hội và CTDA TCVM trên Báo cáo tài chính từ ngày 31/07/2025.

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tòng Linh



Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

Thái Ngọc Bảo Trâm

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	TÀI SẢN	QUÍ 1/2026	QUÍ II/2026
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	27.749.000	27.973.000
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước		0
III.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	226.373.421.375	236.872.831.977
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	226.373.421.375	236.872.831.977
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		
IV.	Chứng khoán kinh doanh	0	0
1	Chứng khoán kinh doanh		
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		
V.	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0
VI.	Cho vay khách hàng	33.184.708.995	10.677.716.989
1	Cho vay khách hàng	34.270.583.300	11.632.360.200
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-1.085.874.305	-954.643.211
VII.	Chứng khoán đầu tư	0	0
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	0	0
1	Đầu tư vào công ty con		
2	Góp vốn liên doanh		
3	Đầu tư vào công ty liên kết		
4	Đầu tư dài hạn khác		
IX.	Tài sản cố định	0	0
1	Tài sản cố định hữu hình	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	506.137.100	506.137.100
b	- Hao mòn tài sản cố định	-506.137.100	-506.137.100
2	Tài sản cố định vô hình	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	304.000.000	304.000.000
b	- Hao mòn tài sản cố định	-304.000.000	-304.000.000
X.	Tài sản có khác	112.200.000	58.500.010
1	Các khoản phải thu	14.000.000	10
2	Các khoản lãi, phí phải thu	0	0
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
4	Tài sản có khác	98.200.000	58.500.000
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	259.698.079.370	247.637.021.976

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	QUÍ 1/2026	QUÍ II/2026
I.	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	0	0
II.	Tiền gửi - vay các TCTD và các tổ chức khác	0	0
1	Tiền gửi của các TCTD khác		
2	Vay các TCTD khác	0	0
III.	Tiền gửi của khách hàng	24.311.597.600	11.086.747.200
IV.	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0
V.	Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	36.472.449.766	36.472.449.766
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	0	0
VII.	Các khoản nợ khác	3.797.845.251	3.348.066.175
1	Các khoản lãi, phí phải trả	246.556.820	238.031.320
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	3.551.288.431	3.110.034.855
	Cộng nợ phải trả	64.581.892.617	50.907.263.141
VIII.	Vốn và các quỹ	195.116.186.753	196.729.758.835
1	Vốn của tổ chức tín dụng	189.528.369.931	189.528.369.931
	Vốn điều lệ	6.204.398.851	6.204.398.851
	Vốn khác	183.323.971.080	183.323.971.080
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	0	0
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
5	Lợi nhuận chưa phân phối	5.587.816.822	7.201.388.904
	a. Năm trước	3.272.354.122	3.272.354.122
	b. Năm nay	2.315.462.700	3.929.034.782
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	259.698.079.370	247.637.021.976

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tòng Linh**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi họ tên)

**Thái Ngọc Bảo Trâm**

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	TÀI SẢN	QUÍ 2/2026	QUÍ 2/2026	
			QUỸ XÃ HỘI	CTDA TCVM
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	27.973.000		27.973.000
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	0		0
III.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	236.872.831.977	184.579.029.572	52.293.802.405
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	236.872.831.977	184.579.029.572	52.293.802.405
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	0		0
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	0		0
IV.	Chứng khoán kinh doanh	0	0	0
1	Chứng khoán kinh doanh	0		0
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0		0
V.	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0	0
VI.	Cho vay khách hàng	10.677.716.989	0	10.677.716.989
1	Cho vay khách hàng	11.632.360.200		11.632.360.200
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-954.643.211		-954.643.211
VII.	Chứng khoán đầu tư	0	0	0
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	0		0
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0		0
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	0		0
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	0	0	0
1	Đầu tư vào công ty con	0		0
2	Góp vốn liên doanh	0		0
3	Đầu tư vào công ty liên kết	0		0
4	Đầu tư dài hạn khác	0		0
IX.	Tài sản cố định	0	0	0
1	Tài sản cố định hữu hình	0	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	506.137.100	0	506.137.100
b	- Hao mòn tài sản cố định	-506.137.100	0	-506.137.100
2	Tài sản cố định vô hình	0	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	304.000.000	0	304.000.000
b	- Hao mòn tài sản cố định	-304.000.000	0	-304.000.000
X.	Tài sản có khác	58.500.010	0	58.500.010
1	Các khoản phải thu	10	0	10
2	Các khoản lãi, phí phải thu	0	0	0
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	0		0
4	Tài sản có khác	58.500.000	0	58.500.000
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	0		0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	247.637.021.976	184.579.029.572	63.057.992.404

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Mã số	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	QUÍ 2/2026	QUÍ 2/2026	
			QUỸ XÃ HỘI	CTDA TCVM
I.	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	0	0	0
II.	Tiền gửi - vay các TCTD và các tổ chức khác	0	0	0
1	Tiền gửi của các TCTD khác	0		0
2	Vay các TCTD khác	0	0	0
III.	Tiền gửi của khách hàng	11.086.747.200	0	11.086.747.200
IV.	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0	0
V.	Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	36.472.449.766	0	4.307.964.385
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	0	0	0
VII.	Các khoản nợ khác	3.348.066.175	0	3.348.066.175
1	Các khoản lãi, phí phải trả	238.031.320		238.031.320
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0		0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	3.110.034.855		3.110.034.855
	Cộng nợ phải trả	50.907.263.141	0	18.742.777.760
VIII.	Vốn và các quỹ	196.729.758.835	184.579.029.572	44.315.214.644
1	Vốn của tổ chức tín dụng	189.528.369.931	179.413.031.186	42.279.824.126
	Vốn điều lệ	6.204.398.851	6.204.398.851	42.279.824.126
	Vốn khác	183.323.971.080	173.208.632.335	
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	0	0	0
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0		
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0		
5	Lợi nhuận chưa phân phối	7.201.388.904	5.165.998.386	2.035.390.518
	a. Năm trước	3.272.354.122	2.490.333.340	782.020.782
	b. Năm nay	3.929.034.782	2.675.665.046	1.253.369.736
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	247.637.021.976	184.579.029.572	63.057.992.404

Ghi chú:

- Quỹ đã thực hiện tách Quỹ xã hội và CTDA TCVM trên Báo cáo tài chính từ ngày 31/07/2025.

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

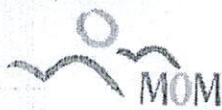
Nguyễn Tòng Linh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)



Thái Ngọc Bảo Trâm

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÝ II/2026	T01-06/2026
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	1.613.572.082	3.929.034.782
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	-
03	Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá, đầu tư tăng thêm/ (hoàn nhập) trong năm	(129.231.094)	(344.157.337)
04	Lãi và phí phải thu trong kỳ/(thực tế chưa thu)		
05	Lãi và phí phải trả trong kỳ/(thực tế chưa trả)	238.031.320	238.031.320
06	(Lãi)/ lỗ do thanh lý tài sản cố định		
07	(Lãi)/ lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư		
08	(Lãi)/ lỗ do thanh lý các khoản đầu tư/ góp vốn vào dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ HĐ đầu tư, góp vốn dài hạn		
09	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		
10	Các điều chỉnh khác		
	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	1.722.372.308	3.822.908.765
	Những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		
	<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>		
11	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác		
12	(Tăng)/Giảm các khoản kinh doanh chứng khoán		
13	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		
14	(Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng	22.638.223.100	68.147.333.700
15	(Tăng)/Giảm lãi, phí phải thu	-	815.137.466
16	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(2.000.000)	(2.000.000)
17	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	53.699.990	120.099.990
	<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>		
18	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		
19	Tăng/(Giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	-	-
20	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	(13.224.850.400)	(30.584.108.900)
21	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		
22	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ ủy thác, đầu tư, và cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-
23	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		
24	Tăng/(Giảm) lãi, phí phải trả	(246.556.820)	(177.818.620)
25	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(441.253.576)	(1.772.064.702)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	10.499.634.602	40.369.487.699
26	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
27	Chi từ các Quỹ của TCTD	-	-
	I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	10.499.634.602	40.369.487.699

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÝ II/2026	T01-06/2026
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1	Mua sắm tài sản cố định	-	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
4	Mua sắm bất động sản đầu tư		
5	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		
6	Tiền chi từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		
7	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)		
8	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)		
9	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		
	II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-	-
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1	Tăng (Giảm) vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/ hoặc phát hành cổ phiếu		
2	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
3	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
4	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	-	-
5	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-
6	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-
	III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
IV	IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	10.499.634.602	40.369.487.699
V	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	226.401.170.375	196.531.317.278
VI	VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		
VII	VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	236.900.804.977	236.900.804.977

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

**Thái Ngọc Bảo Trâm**